BỘ XÂY DỰNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 170 /GCN-BXD	*Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2021*

GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG
(BỔ SUNG)

Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ Quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2017/TT-BXD ngày 25/4/2017 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Xét hồ sơ đăng ký cấp bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Bảo Minh Việt Nam và Biên bản đánh giá bổ sung tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 18/7/2021.

CHỨNG NHẬN:

1. Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Bảo Minh Việt Nam

Mã số thuế: 0105347993

Địa chỉ: Số nhà 21, Ngõ 81/22 tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số nhà 21, ngõ 81/22 tổ dân phố Đông Ngạc 3, Phường Đông Ngạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 113**

3. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số: 72/GCN-BXD ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng cho Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Bảo Minh Việt Nam và có hiệu lực đến hết ngày 22/5/2025./.

Nơi nhận:
- Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Bảo Minh Việt Nam;
- Sở XD Hà Nội;
- TT Thông tin (website);
- Lưu VT, Vụ KHCN&MT.

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG

Vũ Ngọc Anh

DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ BỔ SUNG CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 113

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 170 /GCN-BXD, ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
	THỬ NGHIỆM XI MĂNG	
1	Phân tích hóa Xi măng: Xác định hàm lượng mất khi nung, SO_3, SiO_2, Fe_2O_3, Al_2O_3, CaO, MgO, SO_3, TiO_2, hàm lượng vôi tự do, hàm lượng K_2O và Na_2O	TCVN 141:08
2	Xác định độ nở sunfat	TCVN 6068:04; ASTM C452, C1038
3	Nhiệt thủy hóa xi măng	TCVN 6070:05
4	Xác định độ nở Autocalave	TCVN 8877:15
	THỬ NGHIỆM BÊ TÔNG	
5	Phân tích thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110:93; ASTM D2850-3a, D4767-3a; AASHTO T234; BS 1377
6	Xác định độ co của bê tông	TCVN 3117:93; ASTM C157; AASHTO T160; JIS A1129
7	Chiều dầy lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
	THỬ NGHIỆM VỮA	
8	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài vữa đã đóng rắn	TCVN 9204:12; TCVN 8824:11; ASTM C939, C940, C1437, C230; ASTM C827, C1090; ASTM C157, C596
9	Xác định độ hút nước của vữa đã đóng rắn	ASTM C1403; EN 1015-18,19
10	Xác định cường dộ bám dính của vữa với nền	TCVN 3121-12:03; ASTM C1583; EN 1015-12
11	Vữa keo, keo chít mạch và dán gạch: Cường độ chịu uốn và nén, độ hút nược, độ co ngót, độ mài mòn, thời gian mở, độ trượt, cường độ bám dính khi cắt, cường độ bám dính khi kéo, độ biến dạng ngang	TCVN 7899-2,4:08; ISO 13007-2,4; BS 873-4:87
	PHỤ GIA CHO VỮA VÀ BÊ TÔNG	
12	Phụ gia hoạt tính tro bay: Xác định, hàm lượng SO_3, hàm lượng CaO, lượng mất khi nung, độ ẩm, độ mịn, lượng nước yêu cầu, chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 10302:14; ASTM C311; ASTM C430; BS EN 12477-4:04
13	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ pH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết so với mẫu đối chứng, cường độ nén, uốn so với mẫu đối chứng, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826:11; ASTM C260; C494, C1017; C311; BS EN 480; JIS A6204; AASHTO M194
14	Phụ gia khoáng hoạt tính cho bê tông, vữa: Xác định độ mịn, khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính, độ giãn nở của vữa	TCVN 8827:11; TCVN 11586:16: TCVN 4315:07; ASTM C311, C1240; JIS A6201; BS EN 14277-4
	GỐI CẦU CAO SU, KHE CO GIÃN, MÀNG CHỐNG THẤM	
15	Thí nghiệm gối cao su, khe co giãn: Xác định độ cứng cao su, độ bền kéo đứt, độ dãn dài khi đứt, độ dính bám của cao su với kim loại, cường độ lớp vỏ bọc.	TCVN 10308:14; ASTM D412

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
16	Gối cầu kiểu chậu: Thử nghiệm nén thẳng đứng, góc xoay, hệ số ma sát, lực đẩy ngang	TCVN 10269:14
17	Thí nghiệm tấm trải chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính: Xác định tải trọng kéo đứt và độ dãn dài khi đứt	TCVN 9066:12
18	Cao su lưu hóa nhiệt dẻo: Xác định cường độ kéo, độ giãn dài, độ cứng Shore A, màu sắc, độ dày, độ thấm nước	TCVN 1595:07; ASTM D573
19	Vật liệu chống thấm sơn bitum cao su: Xác định độ chịu nhiệt, độ xuyên nước, thời gian khô	TCVN 6557:00
20	Vật liệu chống thấm gốc xi măng polyme: Xác định cường độ bám dính, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	BS EN14891; DIN 1048
	THÍ NGHIỆM KIM LOẠI	
21	Phân tích thành phần kim loại	TCVN 8998:14; ASTM E 415:17; ASTM E 1019-11, E 1086-14
22	Neo cáp cường độ cao: Xác định độ cứng, độ nhám bề mặt, kiểm tra vết nứt, lực kéo khi đóng neo, hiệu suất làm việc	TCVN 10568:17
23	Thép cốt bê tông và bê tông dự ứng lực: Xác định kích thước hình học, độ bền kéo, uốn và uốn lại	TCVN 7937:13; TCVN 6284-1:97; TCVN 11243:16; ISO 15630-1,2,3; BS 4449; BS E1002; ASTM A1061
24	Kiểm tra không phá hủy mối hàn-PP siêu âm	TCVN 1548:87; TCVN 6735:00; AWS D1.1, D1.2; JIS Z3060, G0584; ASTM E164; ASME BPVC-5; ISO 17640; EN 1714-A2; BS EN ISO 17640; AS 2207
25	Mối hàn kim loại: Thử kéo, thử uốn	TCVN 5401:10; TCVN 5403:10
	BÊ TÔNG NHỰA	
26	Thí nghiệm xác định độ sâu vệt hằn bánh xe	AASHTO T324-04; BS 598:11; EN 12697-22; EN12697-33
	PHÂN TÍCH HÓA NƯỚC	
27	Hàm lượng ion sunfat (SO_4^{-2})	TCVN 6200:96
28	Hàm lượng ion clorua (Cl^-)	TCVN 6194:96
29	Cacbonic (CO_2 tự do và ăn mòn), độ cứng Cacbonat, độ cứng toàn phần, độ cứng không Cacbonat, lượng cặn không tan	TCXD 81:81
	THÍ NGHIỆM CỐT LIỆU	
30	Xác định khả năng phản ứng kiềm-silic của cốt liệu	TCVN 7572-14:06; ASTM C227, C289, C1260, C1293, C1105; AASHTO T303
31	Xác định hàm lượng ion Clo trong cốt liệu	TCVN 7572-15:06; EN 1744-5
32	Xác định hàm lượng sufat và sulfit trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-16:06; ASTM C114; BS 812
33	Cốt liệu nhẹ cho bê tông: Thành phần cỡ hạt, khối lượng thể tích, độ bền xi lanh, khối lượng mất khi đun sôi, độ hút nước, độ ẩm	TCVN 6221:97
	THÍ NGHIỆM CƠ LÝ CỦA ĐẤT	
34	Xác định hàm lượng hữu cơ đất	TCVN 8726:12; AASHTO T267
35	Xác định tổng muối dễ hòa tan trong đất	TCVN 9436:12
36	Xác định hàm lượng thạch cao trong đất	ASTM C471; ASTM D2216
	THỬ NGHIỆM SƠN	
37	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015
38	Xác định thời gian chảy, độ nhớt	TCVN 2092:2013
39	Hàm lượng chất rắn và chất tạo màng	TCVN 2093:1993

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật (*)
40	Xác định độ phủ sơn	TCVN 2095:1993
41	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:2015
42	Xác định độ bám dính của màng	TCVN 2097:2015
43	Xác định độ cứng của màng	TCVN 2098:2015
44	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2013
45	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:2013
46	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016
47	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008
48	Sơn kẻ đường nhiệt dẻo, sơn phản quang: Xác định chất tạo màng, phân loại hạt và hàm lượng hạt thủy tinh, độ phát sáng, độ bền nhiệt, độ mài mòn, độ kháng cháy, khối lượng riêng, độ chống trượt, độ phản quang, chiều dày màng sơn, nhiệt độ hóa mềm	TCVN 8791:18; ASTM D6628
49	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định độ bền nước của màng sơn, độ bền rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, độ bền kiềm, hàm lượng chất khô bay hơi	TCVN 8653:12
50	Sơn tín hiệu giao thông, sơn vạch đường hệ nước: Xác định độ mịn, độ phát sáng, độ bền rửa trôi, độ chống loang màu, độ bền va đập, độ chịu dầu, độ chịu muối, kiềm, độ phản quang, mài mòn	TCVN 8786:11
	VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, BẤC THẤM VÀ VỎ BỌC BẤC THẤM	
51	Cường độ kéo giật và độ giãn dài	TCVN 8871-1:11; TCVN 8485:10; ASTM D4595; ASTM D4632
52	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2:11; ASTM D4533
53	Sức kháng xuyên thủng (CBR)	TCVN 8871-3:11; ASTM D6241
54	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4:11; ASTM D4833
55	Xác định áp lực kháng bục	TCVN 8871-5:11; ASTM D3786
56	Xác định kích thước lỗ	TCVN 8871-6:11; TCVN 8486:10; ASTM D4751:95
57	Xác định độ thấm xuyên, hệ số thấm	TCVN 8487:10; ASTM D4491
58	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12; ASTM D2256
59	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221:09; ASTM D5261; ISO 9864:05
60	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220:09; ASTM D5199; ISO 9863:05

Ghi chú (*) - Các tiêu chuẩn kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.